

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 397, Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2023/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 3 năm 2023 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H;

2. Chị Trần Thị H, sinh năm 1999;

Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, H;

Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Nguyễn Gia Anh V, sinh ngày 09/3/2019;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, H;

2. Cháu Nguyễn Trần Mỹ A, sinh ngày 14/3/2021;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh B;

Đại diện hợp pháp của cháu V và cháu Mỹ A: Anh Nguyễn Anh T và chị Trần Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Anh T và chị Trần Thị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh H vào

ngày 11/9/2018. Quá trình vợ chồng chung sống thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm các vấn đề trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Từ tháng 11/2021 cho đến nay, anh T và chị H sống ly thân, không có cuộc sống chung. Đến nay, anh T và chị H đều xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận ly hôn cho anh T và chị H.

[2] Về con chung: Anh T và chị H có hai con chung là các cháu Nguyễn Gia Anh V, sinh ngày 09/3/2019; đang ở với anh T và cháu Nguyễn Trần Mỹ A, sinh ngày 14/3/2021; đang ở với chị H. Anh T và chị H thỏa thuận, giao cháu Vũ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 04/2023 cho đến khi cháu Vũ đủ 18 tuổi; giao cháu Mỹ A giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 04/2023 cho đến khi cháu Mỹ A đủ 18 tuổi. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai và đều có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng cấy: Anh T và chị H đều khẳng định anh, chị không có gì; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh T và chị H thỏa thuận thống nhất anh T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm ly hôn.

Xét thấy, việc thỏa thuận các vấn đề trong vụ việc của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 07/4/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Anh T và chị Trần Thị H tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia Anh V, sinh ngày 09/3/2019 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 4/2023 cho đến khi cháu Vũ đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Trần Mỹ A, sinh ngày 14/3/2021 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng tính từ tháng 4/2023 cho đến khi cháu Mỹ A đủ 18 tuổi. Anh T và chị H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Anh T và chị H đều có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Anh T và chị H đều khẳng định không có gì; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Anh T và chị Trần Thị H thỏa thuận thống nhất: Anh Nguyễn Anh T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh T đã nộp là 300.000đ, (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006235 ngày 24/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H. Anh Nguyễn Anh T đã nộp đủ lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh H;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Q